TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày**:** 15-6-2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 25/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Giang T, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà Trần O, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Giang T trình bày:*

Vào năm 1993 thì ông và bà Trần O chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông và bà O có 02 con chung là Giang H, sinh năm 1994 và Giang N, sinh năm 2003. Các con của ông đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân và đang cùng sống với bà O. Quá trình chung sống vợ chồng ông không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì vợ chồng ông bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung. Ông và bà O đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi nên ông và bà O muốn trả tự do cho nhau.

Tại phiên toà ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Ngã Năm giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông T yêu cầu tuyên bố ông và bà Trần O không phải là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự lo cho bản thân nên ông không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu xem xét.

2/ Theo đơn yêu cầu v/v xét xử vắng mặt của bị đơn bà Trần O lập ngày 11/3/2022, bà O trình bày:

Bà có biết việc ông T làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm không công nhận là vợ chồng với bà và bà cũng thống nhất là yêu cầu không công nhận bà và ông T là vợ chồng. Quá trình sống chung thì bà và ông T có 02 con chung là Giang H, sinh năm 1994 và Giang N, sinh năm 2003, đã trưởng thành có thể tự lo cho bản thân nên bà không yêu cầu xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung thì bà cũng không yêu cầu xem xét, giải quyết. Ngoài ra, bà bận đi làm ăn xa không thể tham gia mỗi khi Tòa án triệu tập đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bà.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị tuyên bố ông Giang T và bà Trần O không phải là vợ chồng. Về con chung, nợ chung, tài sản chung: đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần O vắng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bà O.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Giang T và bà Trần O sống chung với nhau

vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận.

[3] Trong khoảng thời gian sống chung thì ông bà cũng đã có hai con chung. Lẽ ra, trong quá trình sống chung ông bà lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo ông T trình bày nguyên nhân là do mâu thuẫn gia đình ngày càng nhiều, thường xuyên cự cãi, giữa ông và bà O không còn tiếng nói chung, gia đình không còn hạnh phúc, không thể chung sống với nhau như vợ chồng được nữa. Vì vậy, ông yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà O. Còn bà O biết được ông T yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà thì bà cũng đồng ý.

[4] Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày ông bà đã không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, đời sống chung không còn hòa hợp với nhau nữa, không còn tiếng nói chung, ông T và bà O đều thống nhất yêu cầu Toà án không công nhận là vợ chồng. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là chấp nhận yêu cầu của ông T và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa ông T và bà O là vợ chồng.

[5] Con chung: Quá trình sống chung, ông bà có hai con chung đều đã trưởng thành, ông T và bà O đều trình bày hai con chung của ông bà đều đủ khả năng lao động, có thể tự nuôi sống bản thân và không ai có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Giang T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình; bà Trần O không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Giang T và bà Trần O không phải là vợ chồng.

2/ Về con chung: HĐXX không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Ông Giang T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002588 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, ông T đã thực hiện xong tiền án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu

Đặng Thị Vàng